TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU - TP HẢI DƯƠNG

# QUYẾT ĐỊNH

## Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của trường Tiểu học Tô Hiệu



UBND TP HẢI DƯƠNG
**TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU**

Số: 18/QĐ-THTH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Tô Hiệu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường TH Tô Hiệu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Tô Hiệu (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Phòng Tài chính-KH;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu :VT, Kế toán.

**HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

**Đặng Thị Kim Thanh**

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị: Trường TH Tô Hiệu
Chương: 622

Biểu 04/TT61

# QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-THTH ngày 04/02/2025 của trường TH Tô Hiệu )*

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu quyết toán được duyệt | Trong đó | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quỹ lương | Mua sắm, sửa chữa | Trích lập các quỹ |
| **I** | **Quyết toán thu** | | | | | |
| **A** | **Tổng số thu** | **1.510** | **1.510** | | | |
| 1 | Số thu học phí | | | | | |
| 2 | Thu khác | 1.510 | 1.510 | | | |
| **B** | **Chi từ nguồn thu được để lại** | **1.510** | **1.510** | | | |
| **1** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | | |
| 1.1 | Chi sự nghiệp..... | | | | | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | | |
| 1.2 | Chi quản lý hành chính | | | | | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | | |
| 2 | Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ | | | | | |
| 3 | Hoạt động sự nghiệp khác | | | | | |
| 4 | Chi nguồn khác | 1.510 | 1.510 | | | |
| **C** | **Số thu nộp NSNN** | **0** | **0** | | | |
| **II** | **Quyết toán chi ngân sách nhà nước** | **12.588** | **12.588** | **11.120** | **1.467** | **0** |
| **1** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề** | **12.588** | **12.588** | **11.120** | **1.467** | **0** |
| 1.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 11.142 | 11.142 | 10.721 | 421 | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 1.446 | 1.446 | 399 | 1.046 | |
| | | | | | | |

Được quét bằng CamScanner